



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cà phê Thăng Lợi

Ngày 30/06/2025	26,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.4%	-	2.8%

DT thuần Q2/25
192
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 102 113%
YoY: ▲ 92.5 92.5%

LN thuần Q2/25
5.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.10 3000%
YoY: ▼17.5 -76.9%

LN sau thuế Q2/25
0.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07 -11.9%
YoY: ▼18.4 -97.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
1.6%
YoY: +/-▼ 0.6%

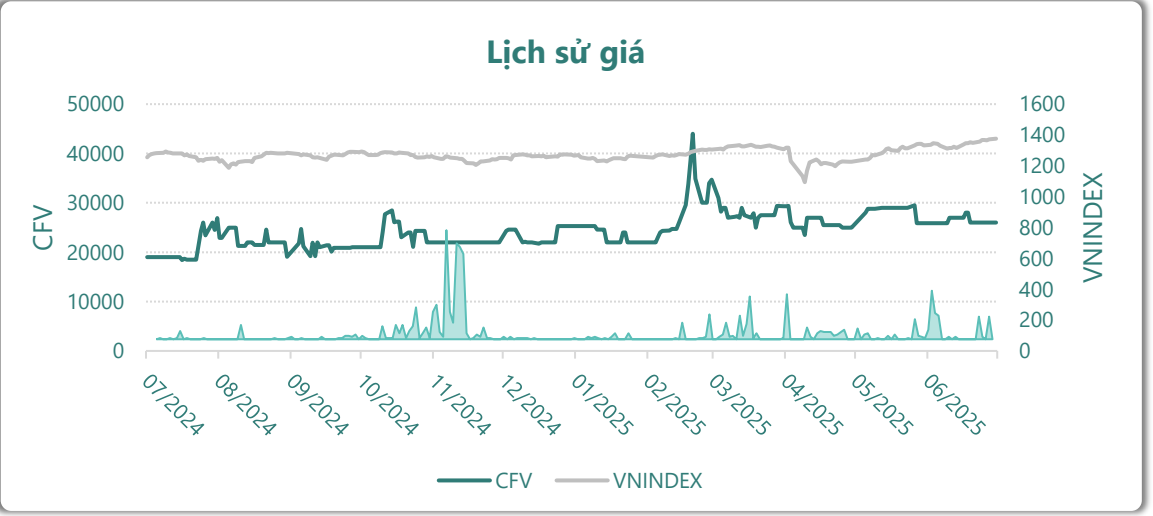
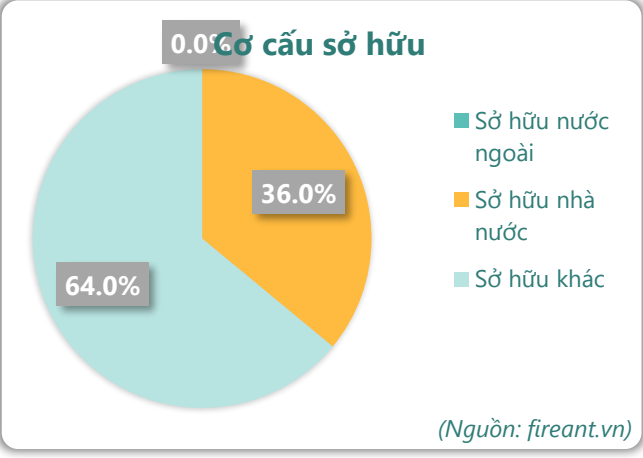
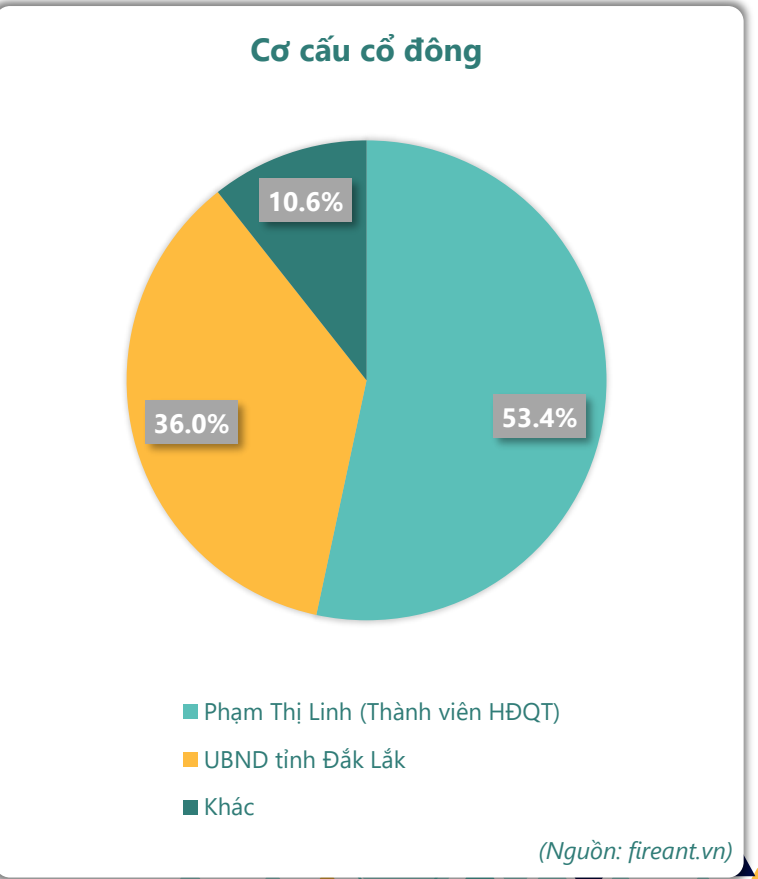
ROE (TTM) Q2/25
10.9%
YoY: +/-▼ 11.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,400 - 44,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	329
Số lượng CPLH (CP)	12,650,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.09
EPS	1,529
P/E	17.0

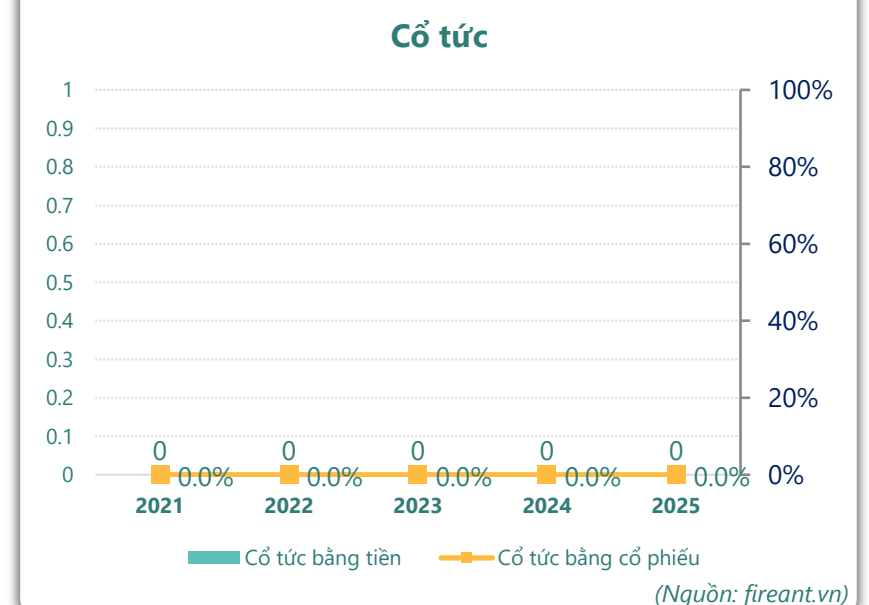
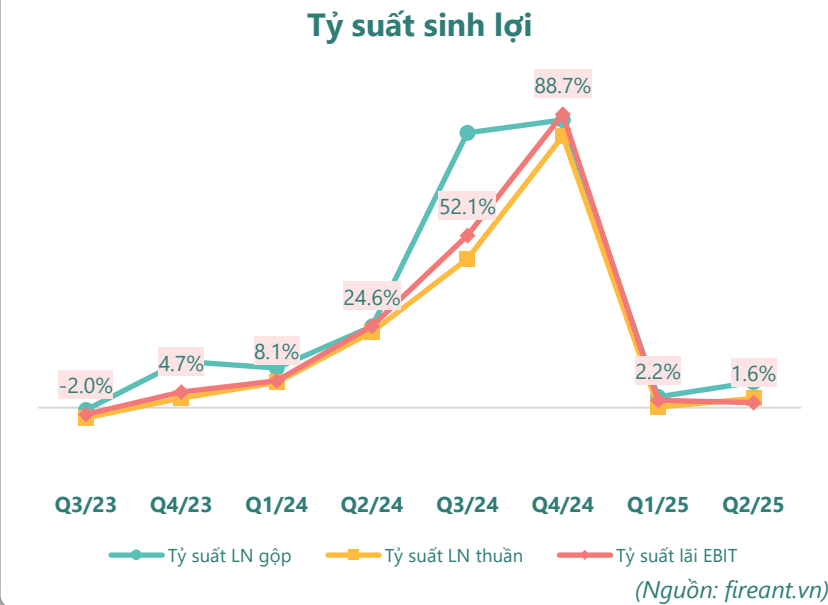
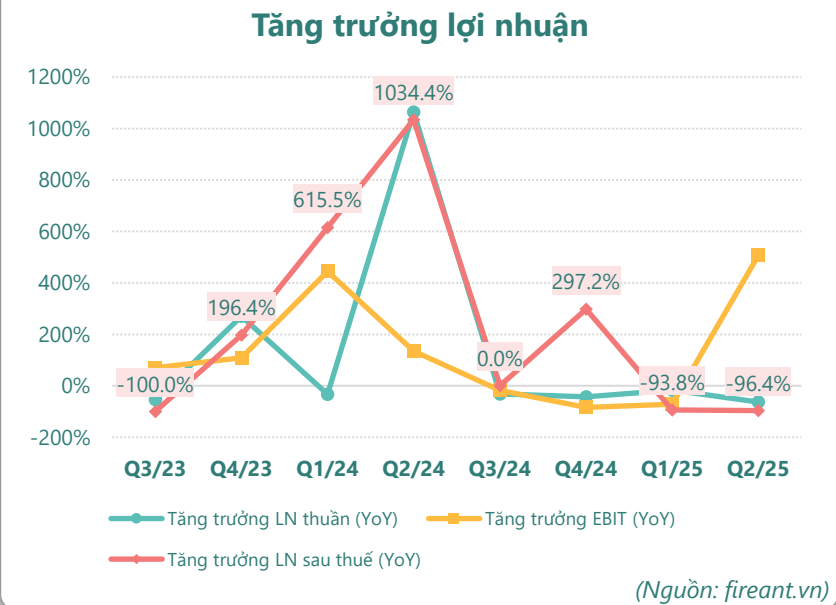
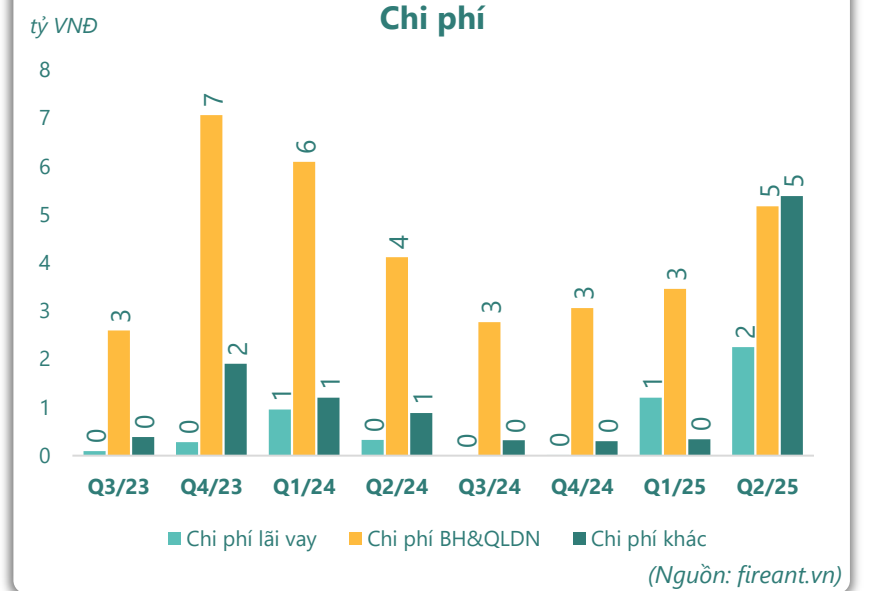
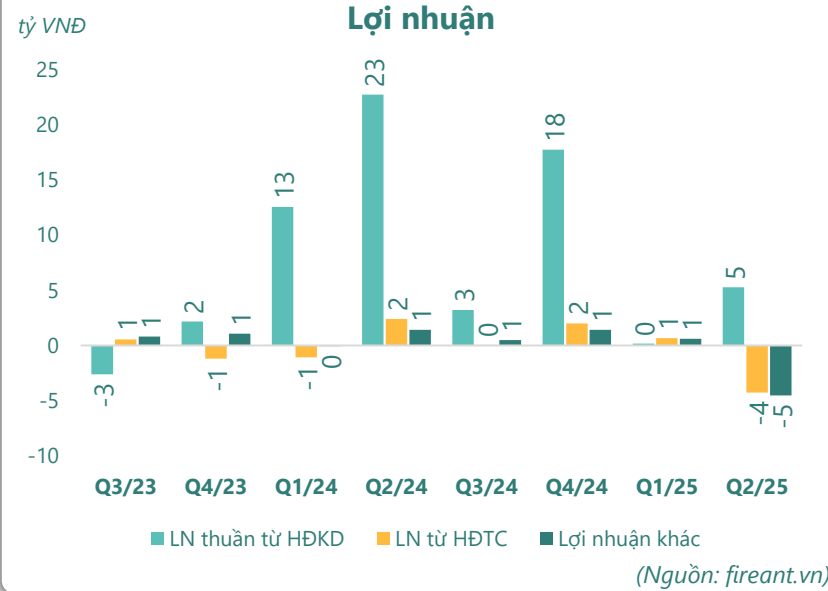
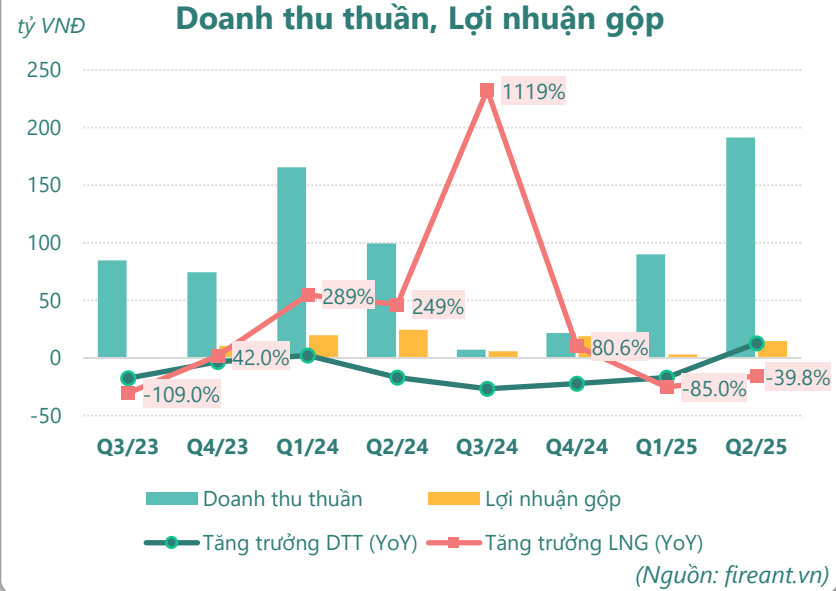
DT thuần 6T 2025
282
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0 6.3%

LN thuần 6T 2025
5.44
tỷ VNĐ
YoY: ▼29.9 -84.6%

LN sau thuế 6T 2025
1.16
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.7 -96.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH



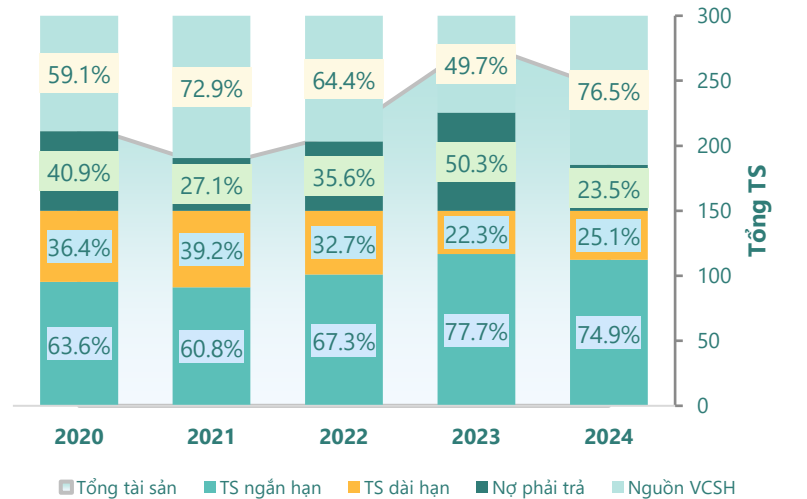


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

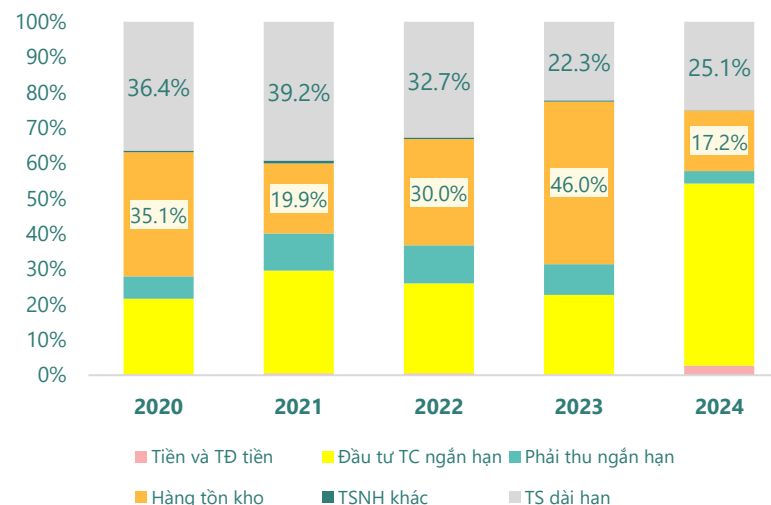
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

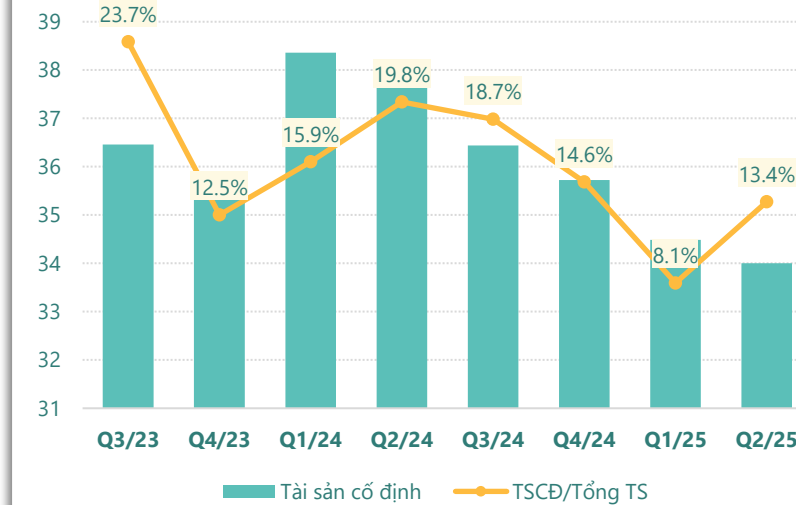
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

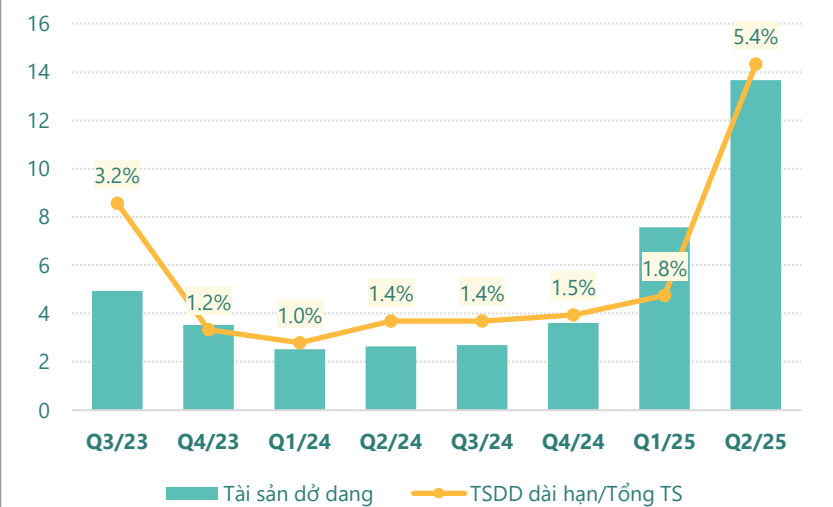
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

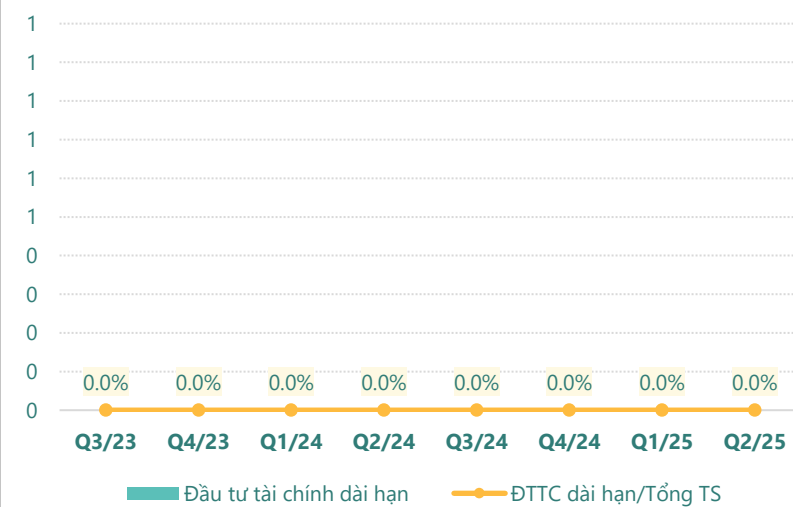
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

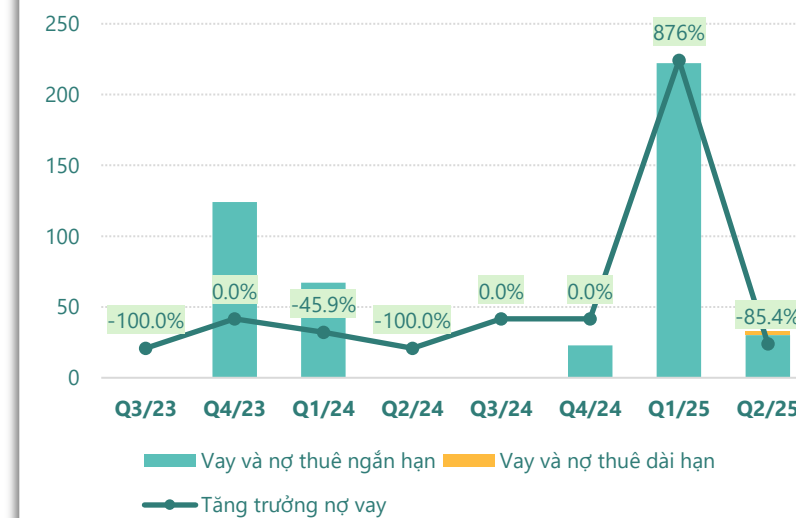
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

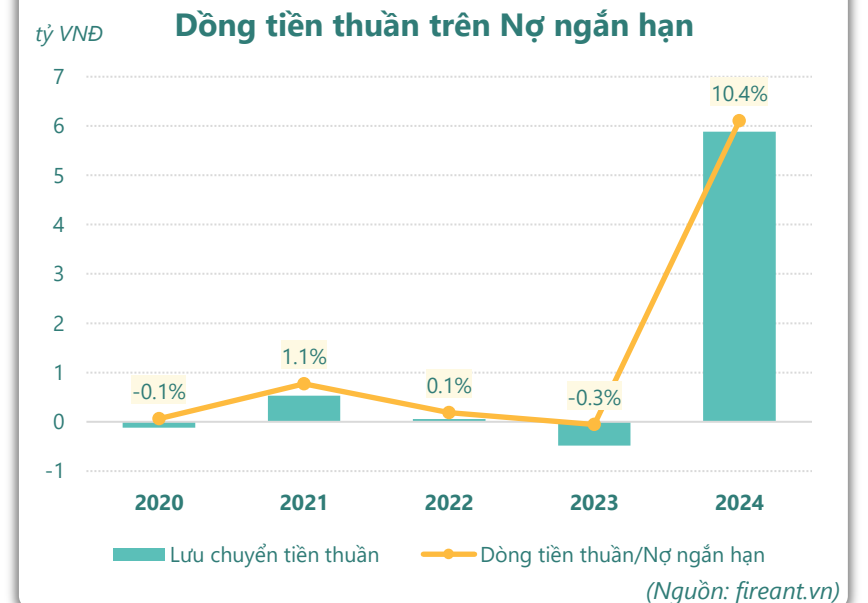
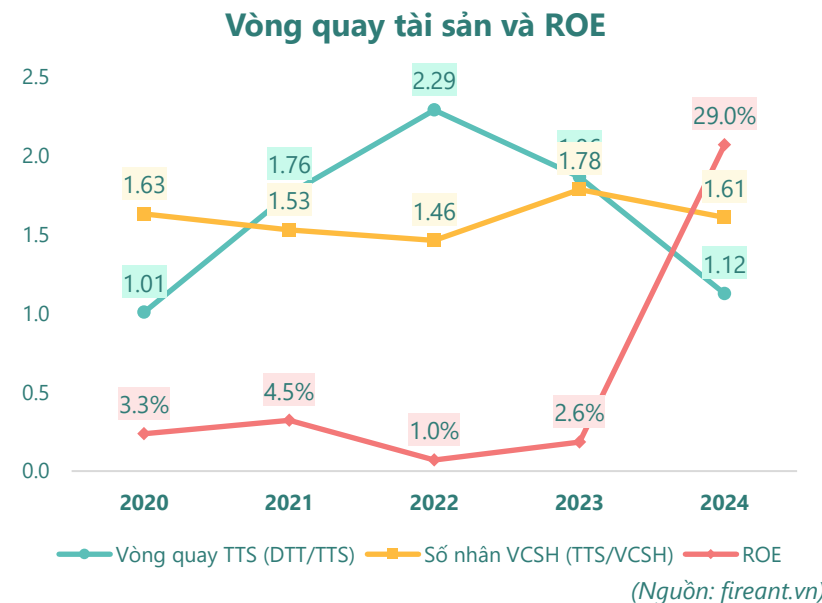
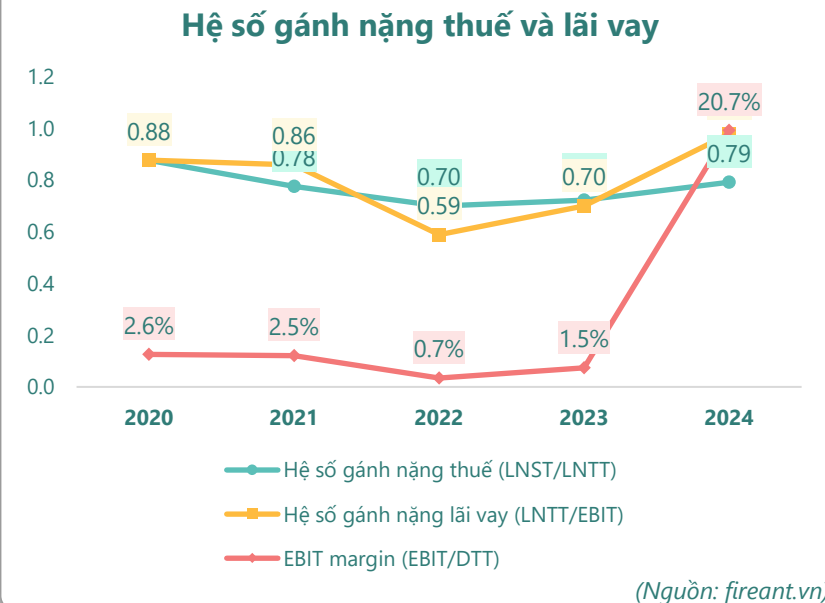
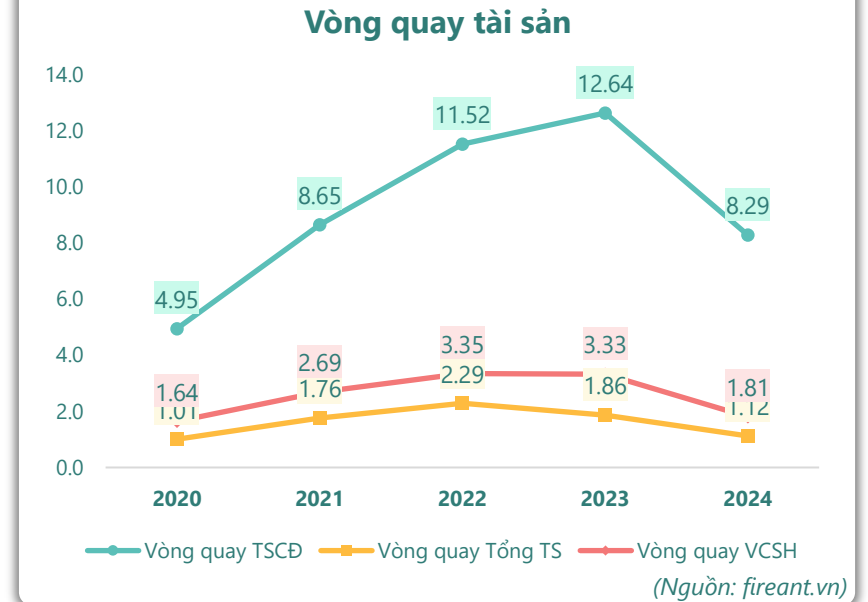
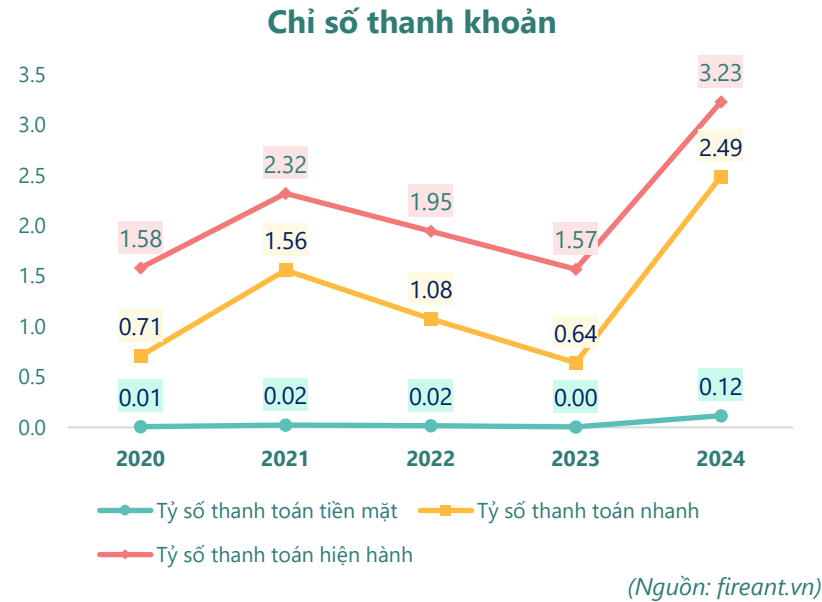
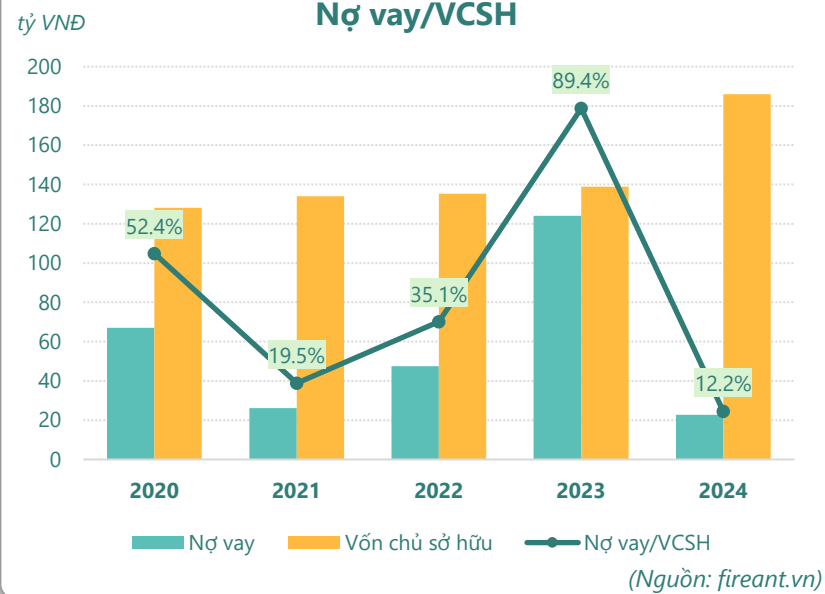
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	192	99.5	92.5%	282	265	6.3%
Giá vốn hàng bán	177	75.0	136%	264	221	19.6%
Lợi nhuận gộp	14.7	24.5	-39.9%	17.7	44.2	-60.0%
Doanh thu HĐTC	3.28	2.79	17.4%	5.34	3.72	43.7%
Chi phí TC	7.55	0.38	1888%	8.96	2.38	277%
Chi phí lãi vay	2.25	0.33	582%	3.46	1.29	168%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.63	2.27	15.9%	4.25	5.59	-24.0%
Chi phí QLDN	2.54	1.84	38.2%	4.38	4.62	-5.2%
LN thuần từ HĐKD	5.27	22.8	-76.9%	5.44	35.3	-84.6%
Lợi nhuận khác	-4.53	1.43	-417%	-3.93	1.37	-386%
LN trước thuế	0.74	24.2	-97.0%	1.51	36.7	-95.9%
Lợi nhuận sau thuế	0.55	18.9	-97.1%	1.16	28.9	-96.0%
LNST của CĐ cty mẹ	0.55	18.9	-97.1%	1.16	28.9	-96.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	61.4	104	3.76	0.69	170	-64.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.15	-41.2	-2.58	-18.0	-61.6	48.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.7	-67.1	0	22.3	-102	9.72
Tiền đầu kỳ	0.66	4.51	0.33	1.50	0.66	6.54
Lưu chuyển tiền thuần	3.86	-4.18	1.17	5.04	5.89	-5.93
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	4.51	0.33	1.50	6.54	6.54	0.61

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	254	243	4.7%
Tài sản ngắn hạn	186	182	2.2%
Tiền và tương đương tiền	0.61	6.54	-90.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.4	125	-41.4%
Phải thu ngắn hạn	64.9	8.42	671%
Hàng tồn kho	46.2	41.7	10.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.06	0.16	551%
Tài sản dài hạn	68.2	60.9	11.9%
Phải thu dài hạn	0.02	0	
Tài sản cố định	34.0	35.7	-4.8%
Bất động sản đầu tư	11.2	11.9	-6.0%
Tài sản dở dang	13.7	3.61	278%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	9.32	9.68	-3.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	67.3	57.2	17.8%
Nợ ngắn hạn	63.9	56.4	13.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30.1	22.7	32.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.65	1.18	-45.0%
Nợ dài hạn	3.44	0.76	356%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.39	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	187	186	0.6%
Vốn chủ sở hữu	187	186	0.6%
Vốn điều lệ	127	127	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

